

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HS - ST

Ngày 23-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Nụ.

- Bà Hoàng Thị Len.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ Xuân Q - Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn D, xã TC, huyện TN, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân C, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1970; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 20/2020/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/5/2021; Ngày 16/11/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội khởi tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị tạm giam ngày 26/5/2021 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình.

*** Bị hại:**

- Chị **Nguyễn Thị Q1** - Sinh năm 1987 và anh **Hoàng Anh T** - Sinh năm 1988.

- Chị **Bùi Thị H1** - Sinh năm 1994.

Đều trú tại: Số nhà X, ngõ Z, đường HCC, tổ Y, phường QT, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

** Người làm chứng:*

- Chị **Phạm Mai Phương L** - Sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn Kỳ Nha, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Bà **Phạm Thị T1** - Sinh năm 1963.

- Ông **Hoàng Văn T2** - Sinh năm 1964.

Đều trú tại: Số nhà X, ngõ Z, đường HCC, tổ Y, phường QT, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

- Bà **Vũ Thị H** - Sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn D, xã TC, huyện TN, tỉnh Nam Định.

(Có mặt bị cáo, chị Q1, anh T, chị H1, bà T1, bà H; Vắng mặt chị L; Ông T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, bị cáo Vũ Xuân Q, quen biết chị Phạm Mai Phương L qua mạng xã hội, sau đó yêu nhau. Bị cáo nói với L hiện bị cáo đang làm nhân viên tại Viettel Nam Định mục đích để chị L tin tưởng bị cáo là người có công việc ổn định, thực tế bị cáo không phải là nhân viên Viettel Nam Định. Quá trình yêu nhau, chị L thường xuyên đưa bị cáo đến chơi nhà bà Phạm Thị T1 (là bác ruột của chị L). Bị cáo cũng giới thiệu với bà T1 mình làm nhân viên Viettel Nam Định. Khoảng tháng 5/2019, qua nói chuyện bị cáo biết bà T1 có con dâu là chị Nguyễn Thị Q1, chưa có việc làm. Bị cáo nghĩ chị Q1 mới đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan về nước sẽ có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Q1. Bị cáo nói với chị Q1 bị cáo làm nhân viên Viettel và có khả năng xin việc cho chị Q1 vào làm nhân viên Viettel Thái Bình với chi phí 77.000.000 đồng, chị Q1 đồng ý và tiếp tục nhờ bị cáo xin việc cho chồng là anh Hoàng Anh T, thời gian này anh T đang xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Bị cáo nói với chị Q1 sẽ xin cho anh T vào làm nhân viên Viettel Hải Phòng với chi phí 85.000.000 đồng. Trong tháng 5/2019, chị Bùi Thị H1 là em dâu anh T, ở cùng địa chỉ cũng nhờ bị cáo xin việc cho chị H1. Bị cáo nói sẽ xin cho chị H1 vào làm nhân viên của Viettel Thái Bình với chi phí 77.000.000 đồng. Do chị H1 không có bằng tốt nghiệp cấp 3 và bằng đại học nên bị cáo bảo chị H1 phải đưa thêm 8.000.000 đồng để bị cáo làm bằng giúp. Sau đó chị Q1, chị H1 chuẩn bị tiền, hồ sơ xin việc, ảnh của chị Q1, anh T, chị H1 đưa cho bị cáo. Bị cáo nói với chị Q1 bảo anh T về nước trước tháng 8/2019 để đi làm luôn nên đầu tháng 8/2019 anh T từ Đài Loan trở về nH1. Để chị Q1, chị H1 tin

tưởng, bị cáo thuê cửa hàng ở thành phố Thái Bình (không nhớ là cửa hàng nào) in và tự dán ảnh của chị Q1, chị H1, anh T lên 03 thẻ nhân viên, loại thẻ đeo trên ngực khi làm việc có tên Công ty cổ phần Bưu chính Viettel, tên từng người phía dưới ảnh rồi đưa cho chị Q1, chị H1.

Từ tháng 5/2019 đến ngày 01/7/2020, chị Q1 đã trực tiếp đưa tiền nhưng không viết giấy tờ biên nhận và chuyển khoản cho bị cáo tổng số tiền là 162.000.000 đồng, cụ thể: đầu tháng 5/2019 đưa 35.000.000 đồng, đầu tháng 7/2019 đưa 31.400.000 đồng, giữa tháng 8/2019 đưa 36.000.000 đồng, đầu tháng 9/2019 đưa 39.600.000 đồng, đầu tháng 10/2019 đưa 3.000.000 đồng. Những lần đưa tiền trên đều tại nhà chị Q1. Ngày 02/12/2019 gặp và đưa 5.000.000 đồng, ngày 01/7/2020 chuyển số tiền 12.000.000 đồng qua tài khoản của chị L mà bị cáo đã mượn thẻ để sử dụng trước đó.

Từ ngày 15/7/2019 đến tháng 10/2019 chị H1 đã đưa cho bị cáo tại nhà chị H1 tổng số tiền 85.000.000 đồng, cụ thể: ngày 15/7/2019 đưa 8.000.000 đồng, ngày 20/7/2019 đưa 75.000.000 đồng, đầu tháng 10/2019 đưa 2.000.000 đồng đều không viết giấy tờ biên nhận.

Đầu năm 2020, thấy bị cáo không xin được việc nên chị H1 nói với bị cáo thôi không xin việc nữa, bị cáo đã chuyển tiền vào tài khoản của chị L và nhờ chị L chuyển khoản trả cho chị H1 số tiền 45.000.000 đồng, ngày 24/3/2020 chuyển 25.000.000 đồng, ngày 27/5/2020 chuyển 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi đã nhận của chị Q1 và chị H1, bị cáo đã dùng hết vào việc chi tiêu cá nhân, đi chơi một số nơi.

Bản cáo trạng số 76/CT-VKSTB ngày 28 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Xuân Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Xuân Q thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã kết luận.

Chị Nguyễn Thị Q1, chị Bùi Thị H1, anh Hoàng Anh T trình bày: Do tin tưởng bị cáo làm ở Viettel Nam Định có thể xin được việc làm cho các anh chị nên chị Q1 đã đưa cho bị cáo 162.000.000 đồng để xin việc cho chị và anh T, chị H1 đưa cho bị cáo 85.000.000 đồng để xin việc cho chị H1. Bị cáo hứa hẹn khoảng một đến hai tháng anh chị có thể đi làm, tuy nhiên sau đó không thấy bị cáo xin được việc nên chị H1 nói không xin nữa và yêu cầu bị cáo trả lại tiền. Bị cáo đã trả cho chị H1 2 lần bằng 45.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo không trả. Việc anh chị thỏa thuận xin việc đưa tiền cho bị cáo, chị L không biết. Nay anh chị đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả cho chị Q1, anh T 162.000.000 đồng, trả cho chị H1 40.000.000 đồng và xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bà Phạm Thị T1 trình bày: Do chị L thường xuyên dẫn bị cáo về gia đình bà chơi và ăn cơm nên bà tin tưởng bị cáo có việc làm ổn định, có khả năng xin việc nên bà nói chuyện nhờ bị cáo xin việc cho chị Q1 (con dâu bà), sau đó chị Q1 nhờ bị cáo xin việc cho anh T, chị H1 nhờ xin việc cho chị H1, những lần chị Q1, chị H1 giao tiền trực tiếp cho bị cáo bà và ông T2 (chồng bà) đều chứng kiến. Việc thỏa thuận xin việc, giao tiền cho bị cáo, chị L không biết. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại tiền cho chị Q1 và chị H1.

Bà Vũ Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ bị cáo, bị cáo thường xuyên đi lao động tự do ở nhiều nơi và ít khi về nhà. Bị cáo có dẫn chị L về gia đình chơi, tuy nhiên sự việc bị cáo gian dối xin được việc làm để lấy tiền của chị Q1, chị H1 bà không được bị cáo bàn bạc, thỏa thuận và bị cáo cũng không đưa cho bà khoản tiền nào. Sau khi sự việc xảy ra, chị Q1 có gặp trao đổi với bà về việc của bị cáo nhưng do gia đình rất khó khăn nên không có tiền bồi thường thay cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Xuân Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Q từ 09 năm tù đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vũ Xuân Q phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Q1 và anh Hoàng Anh T số tiền 162.000.000 đồng và chị Bùi Thị H1 số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội lao động trả tiền cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Xuân Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố: Trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2020, bị cáo đã có hành vi gian dối, nói bị cáo có mối quan hệ quen biết có khả năng xin cho chị Nguyễn Thị Q1 và chị Bùi Thị H1 vào làm việc tại Viettel Thái Bình, anh Hoàng Anh T (chồng chị Q1) vào làm tại Viettel Hải Phòng chi nhánh tập đoàn Viễn thông Quân đội và yêu cầu chị Q1, chị H1 đưa tiền cho bị cáo. Chị Q1 và chị H1 đã đưa hồ sơ xin việc và nhiều lần đưa cho bị cáo tổng số tiền 247.000.000 đồng, trong đó chị Q1 đưa 162.000.000 đồng (gồm tiền xin việc của chị Q1 và anh T), chị H1 đưa 85.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền và hồ sơ xin việc, bị cáo vứt hồ sơ đi và tự làm 3 thẻ nhân viên đưa cho chị Q1, chị H1, anh T còn dùng tiền để chi tiêu cá nhân. Đến đầu năm 2020, thấy bị cáo không xin được việc, chị H1 nói với bị cáo thôi không xin việc nữa và yêu cầu bị cáo trả lại tiền nên bị cáo đã trả tiền cho chị H1 hai lần là 45.000.000 đồng.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Công văn số 1829/NDH-HT ngày 14/10/2020 của Viettel Nam Định chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội trả lời về việc rà soát không có cán bộ nào tên Vũ Xuân Q từng làm việc tại chi nhánh; Công văn số 4800/BC-THB-CTr ngày 22/10/2020 của Viettel Thái Bình và Công văn số 372/HPG-HT ngày 14/10/2020 của Viettel Hải Phòng trả lời về việc từ tháng 5/2019 đến nay không tiếp nhận hồ sơ xin việc nào có tên Nguyễn Thị Q1, Bùi Thị H1 và Hoàng Anh T; Biên bản làm việc ngày 11/9/2021 tại Viettel Thái Bình thể hiện Tập đoàn Viễn thông Quân đội không phát hành thẻ nhân viên nào như thẻ chị H1 giao nộp, mẫu thẻ chị H1 giao nộp không phải mẫu thẻ của Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Công văn số 22 ngày 19/02/2021 của Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thái Bình cung cấp thông tin tài khoản và kèm theo sao kê chi tiết giao dịch tài khoản số 0211000519046 mang tên Phạm Mai Phương L cùng hình ảnh sao chụp nội dung tin nhắn giữa bị cáo Vũ Xuân Q và chị Nguyễn Thị Q1, chị Bùi Thị H1, hình ảnh chụp thẻ nhân viên của chị Q1, anh T.

[4] Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối nói mình có khả năng xin việc làm tại Viettel Thái Bình và Viettel Hải Phòng để bị hại tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo sau đó chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Q1, anh Hoàng Anh T và chị

Bùi Thị H1 tổng số tiền 247.000.000 để chi tiêu cá nhân đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Điều 174: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong xã hội, làm mất niềm tin của người dân quá trình xin việc làm. Bị cáo nhận thức được việc làm là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời là bài học răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[6.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần nhận tiền sau đó chiếm đoạt tài sản của chị Q1, chị H1 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã trả cho chị H1 45.000.000 đồng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, vừa chấp hành xong hình phạt tù do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại chị Nguyễn Thị Q1 và anh Hoàng Anh T số tiền 162.000.000 đồng, chị Bùi Thị H1 số tiền 40.000.000 đồng.

[9] Cơ quan điều tra có thu giữ 01 Thẻ nhân viên ghi tên Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, Công ty Bưu chính liên tỉnh mang tên Bùi Thị H1 là tài liệu, chứng cứ cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[10] Khoảng tháng 8/2019 thông qua chị Phạm Mai Phương L, bị cáo biết bà Phạm Thị Liên (mẹ đẻ chị L) hiện đang sống và làm việc tại Cộng hòa Liên Bang Nga có nhu cầu mua nhà chung cư tại Hà Nội. Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Liên nên liên lạc với bà Liên qua mạng xã hội facebook. Bị cáo nói dối bà Liên có bố làm trong ngành Quân đội, bị cáo làm nhân viên Viettel có thể mua được căn hộ chung cư tại Hà Nội với giá ưu đãi 1.680.000.000 đồng, phải trả trước 680.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả góp. Do tin tưởng, bà Liên đồng ý nhờ bị cáo mua hộ nhà và nhờ bà T1, chị Q1 chuyển cho bị cáo số tiền 680.000.000 đồng. Chị Q1 đã đưa cho bị cáo 3 lần tổng số tiền 430.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã gửi yêu cầu trợ tư pháp về hình sự để thu thập lời khai của bà Phạm Thị Liên nhưng chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra tách ra không giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

[11] Chiếc thẻ nhân viên do chị H1 giao nộp, bị cáo khai lấy mẫu quảng cáo nhận làm thẻ trên mạng facebook, đánh máy tên Công ty Cổ phần bưu chính Viettel rồi in, sau đó dán ảnh của chị H1 lên thẻ. Kết quả điều tra xác minh tập đoàn viễn thông Quân đội không phát hành thẻ nhân viên nào như thẻ chị H1 giao nộp, mẫu thẻ chị H1 giao nộp không phải mẫu thẻ của Viettel tập đoàn Viễn thông Quân đội. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với bị cáo về hành vi làm giả tài liệu là đúng pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo Vũ Xuân Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Xuân Q 10 (mười) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vũ Xuân Q phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Q1, anh Hoàng Anh T số tiền 162.000.000 đồng và chị Bùi Thị H1 số tiền 40.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Xuân Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng là 10.300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vbn ụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Thảo